



UNDERLAY NEXT SELF

Màng lót tự dính bitum biến tính SBS cải tiến dùng trên các mái nhà dốc



MÔ TẢ:

Màng tự dính bitum biến tính SBS không bao gồm vật liệu gia cường UNDERLAY NEXT SELF được sử dụng như một lớp màng lót đặt trên các mái nhà dốc với sàn gỗ cứng liên tục (sàn bằng vật liệu OSB-3, ván ép, ván lười hoặc ván có rãnh). Việc sử dụng những màng lót tự dính là yêu cầu bắt buộc ở các vị trí khe mái và mái hiên vì những khu vực này dễ bị rò rỉ nhất.

Bề mặt phía trên của màng vật liệu được bao phủ bởi một loại vải polypropylene nhiều lớp chắc chắn để ngăn không cho dụng cụ bị trượt khỏi mái nhà dốc. Một hợp chất bitum tự dính hiệu suất cao ở bề mặt phía dưới của màng giúp mang lại độ tin cậy tối đa và loại bỏ nhu cầu sử dụng keo mát tít kết dính trên các vị trí đặt chồng màng vật liệu lên nhau. Chất kết dính tự dính được bao phủ bởi một lớp màng phim bảo vệ dễ tháo rời.



ƯU ĐIỂM:

- Bám dính tốt vào bề mặt trên cùng của nó và không yêu cầu sử dụng keo mát tít kết dính trên các vị trí đặt chồng màng vật liệu theo chiều ngang và dọc;
- Độ bền được tăng thêm nhờ có vải polypropylene nhiều lớp cũng ngăn không cho các dụng cụ bị trượt ra khỏi mái nhà dốc;
- Trọng lượng nhẹ của màng giúp đơn giản hóa việc vận chuyển và lắp đặt;
- Việc thi công lắp đặt màng mất ít thời gian và không yêu cầu bất kỳ thiết bị và kỹ năng bổ sung nào khác;
- Hợp chất polyme-bitum chất lượng cao có đặc tính “tự phục hồi”, mang lại mức độ làm kín tuyệt đối ở những vị trí đóng đinh;
- Các vạch đánh dấu đặc biệt trên vải giúp cho việc lắp đặt các tấm lợp sau đó trở nên dễ dàng hơn;
- Tính sửa chữa cao.

HIỆU SUẤT CÔNG TRÌNH

Vật liệu được lắp đặt trên sàn gỗ cứng liên tục (OSB-3, ván ép, ván hèm khoá hoặc ván rãnh). Bề mặt phải phẳng, mịn, sạch và khô. Căn chỉnh màng song song với mái hiên và lắp đặt nó bằng cách loại bỏ màng silicone chống bám dính ở mặt dưới và dán màng lên bề mặt với lực đều. Ngoài ra, cố định vật liệu bằng đinh lợp ở phía dọc trên cùng với khoảng cách cố định 250 mm. Làm sạch bụi bẩn ở tất cả các vị trí chồng lên nhau trước khi lắp các cuộn tiếp theo. Lớp chồng dọc phải là 100 mm, ngang – 150 mm. Các đầu tiếp giáp của các cuộn liền kề phải được đặt lệch nhau ít nhất 500mm. Thông tin chi tiết về việc lắp đặt được đưa ra trong các hướng dẫn sử dụng có liên quan.

LƯU TRỮ VÀ VẬN CHUYỂN

Các cuộn vật liệu nên được lưu trữ trong nhà ở nơi khô ráo trong bao bì gốc của chúng và đưa đến công trường sẵn sàng để sử dụng. Cuộn nên được lưu trữ thẳng đứng trên pallet ở chiều cao 1 hàng. Cấm lưu trữ cuộn ở vị trí nằm ngang. Tránh va đập hoặc các tác động cơ học khác trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Thời hạn sử dụng nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu lưu trữ: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

HIỆU SUẤT ĐƯỢC KHAI BÁO:

Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	1.0±0.1
Dài x rộng, m	EN 1848-1	25 × 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-15
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥90
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	EN 12311-1	20±10 / 20±10
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	EN 12311-1	600±200 / 600±200
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310-1	500±100 / 500±100
Khả năng chống bong tróc của mối nối: chồng lên màng, N/50 mm	EN 12316-1	40±15
Loại gia cố	-	không chất mang
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	vải polypropylen nhiều lớp
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim chống dính

Chú thích: L/T – Dọc/Ngang (Longitudinal / Transverse);